

Số: 370 /TB-SNV

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO

**Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị
sự nghiệp giáo dục và y tế công lập thuộc Thành phố năm 2022**

Căn cứ Nghị định các số: 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; Công văn số 5075/BNV-TCBC ngày 26/9/2020 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu ký hợp đồng từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế công lập của Thành phố năm 2022.

Sở Nội vụ thông báo chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế công lập thuộc Thành phố năm 2022 (có biểu chi tiết kèm theo).

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, căn cứ Thông báo thực hiện quản lý, sử dụng lao động hợp đồng theo đúng số giao, đảm bảo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước./. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (báo cáo);
- Các Sở: GD&ĐT, Y tế, Tài chính, KH&ĐT;
- UBND quận, huyện, thị xã;
- Giám đốc Sở Nội vụ;
- Các PGĐ Sở Nội vụ;
- Các phòng thuộc Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, XDCQ (L. Hằng 02 bản).

GIÁM ĐỐC *th*



Vũ Thu Hà

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

SỞ NỘI VỤ

PHỤ LỤC

Giao chỉ tiêu ký hợp đồng lao động hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế công lập thuộc Thành phố năm 2022 theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ

(Kèm theo Thông báo số 370 /TB-SNV ngày 18 /02/2022 của Sở Nội vụ)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
	Tổng cộng		4 891	
A	Sở Giáo dục và Đào tạo		1 568	
1	THPT Ba Vì	13,00%	6	
2	THPT Bắc Lương Sơn	10,00%	15	
3	THPT Bắc Thăng Long	27,00%	36	
4	THPT Bất Bạt	15,00%	10	
5	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	20,00%	16	
6	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	25,00%	8	
7	THPT Cầu Giấy	28,29%	16	
8	THPT Chu Văn An	30,98%	22	
9	THPT Chúc Động	25,34%	9	
10	THPT Chương Mỹ A	33,99%	7	
11	THPT Chương Mỹ B	18,90%	12	
12	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	48,24%	20	
13	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	13,37%	20	
14	THPT Cổ Loa	22,06%	19	
15	THPT Đa Phúc	37,58%	20	
16	THPT Đại Cờm	24,47%	2	
17	THPT Đại Mỗ	36,06%	27	
18	THPT Đan Phượng	32,58%	24	
19	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	27,51%	13	
20	THPT Đông Anh	35,08%	6	
21	THPT Đông Đa	28,93%	9	
22	THPT Đông Mỹ	16,62%	22	
23	THPT Đồng Quan	20,59%	7	
24	THPT Dương Xá	27,57%	17	
25	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	23,38%	7	
26	THPT Hoài Đức A	24,07%	10	
27	THPT Hoài Đức B	27,58%	10	
28	THPT Hoài Đức C	18,14%	33	
29	THPT Hoàng Văn Thụ	37,99%	11	
30	THPT Hồng Thái	18,05%	9	
31	THPT Hợp Thanh	18,58%	7	
32	THPT Khương Đình	38,30%	28	
33	THPT Kim Anh	14,01%	6	
34	THPT Kim Liên	25,21%	15	
35	THPT Lê Lợi	26,50%	53	
36	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	25,39%	16	
37	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	24,33%	10	
38	THPT Liên Hà	18,03%	20	
39	THPT Lý Thường Kiệt	26,56%	18	
40	THPT Lý Tử Tấn	20,31%	11	
41	THPT Mê Linh	23,59%	1	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
42	THPT Minh Khai	23,93%	7	
43	THPT Minh Phú	30,87%	17	
44	THPT Minh Quang	10,65%	8	
45	THPT Mỹ Đình	32,20%	1	
46	THPT Mỹ Đức A	37,95%	7	
47	THPT Mỹ Đức B	25,14%	4	
48	THPT Mỹ Đức C	30,00%	1	
49	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	10,93%	6	
50	THPT Ngô Thị Nhậm	11,99%	11	
51	THPT Ngọc Hồi	22,68%	8	
52	THPT Ngọc Tảo	21,09%	9	
53	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	26,22%	14	
54	THPT Nguyễn Gia Thiều	25,61%	14	
55	THPT Nguyễn Quốc Trinh	15,17%	48	
56	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	38,41%	25	
57	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	37,24%	23	
58	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	27,33%	9	
59	THPT Nguyễn Văn Cừ	29,52%	10	
60	THPT Nguyễn Văn Trỗi	22,80%	1	
61	THPT Nhân Chính	31,05%	16	
62	THPT Phạm Hồng Thái	25,12%	12	
63	THPT Phan Đình Phùng	43,46%	11	
64	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	19,41%	29	
65	THPT Phú Xuyên A	24,36%	14	
66	THPT Phú Xuyên B	19,45%	5	
67	THPT Phúc Lợi	34,60%	28	
68	THPT Phúc Thọ	16,00%	10	
69	THPT Phùng Khắc Khoan	26,12%	12	
70	THPT Quang Minh	31,48%	8	
71	THPT Quảng Oai	29,68%	8	
72	THPT Quang Trung - Đống Đa	37,30%	13	
73	THPT Quang Trung - Hà Đông	25,07%	22	
74	THPT Quốc Oai	33,67%	7	
75	THPT Sóc Sơn	30,27%	15	
76	THPT Sơn Tây	18,41%	5	
77	THPT Tân Dân	15,62%	10	
78	THPT Tân Lập	15,40%	13	
79	THPT Tây Hồ	32,84%	22	
80	THPT Thạch Bàn	27,65%	29	
81	THPT Thạch Thất	21,32%	8	
82	THPT Thăng Long	26,60%	16	
83	THPT Thanh Oai A	24,36%	12	
84	THPT Thanh Oai B	28,03%	10	
85	THPT Thượng Cát	42,45%	10	
86	THPT Thường Tín	30,21%	13	
87	THPT Tiên Phong	11,15%	6	
88	THPT Tiên Thịnh	23,18%	11	
89	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	19,30%	10	
90	THPT Trần Đăng Ninh	25,48%	3	
91	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	27,10%	20	
92	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	40,00%	19	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
93	THPT Trần Nhân Tông	28,74%	17	
94	THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm	26,37%	12	
95	THPT Trung Giã	24,49%	15	
96	THPT Trung Văn	41,13%	10	
97	THPT Trương Định	25,14%	21	
98	THPT Tự Lập	20,64%	7	
99	THPT Tùng Thiện	32,02%	10	
100	THPT Ứng Hoà A	41,95%	5	
101	THPT Ứng Hoà B	23,91%	4	
102	THPT Vân Cốc	13,88%	12	
103	THPT Vân Nội	19,72%	20	
104	THPT Vân Tào	22,91%	8	
105	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	25,12%	10	
106	THPT Việt Đức	28,15%	21	
107	THPT Việt Nam - Ba Lan	34,66%	11	
108	THPT Xuân Đình	28,88%	14	
109	THPT Xuân Giang	25,54%	5	
110	THPT Xuân Khanh	30,79%	2	
111	THPT Xuân Mai	32,78%	2	
112	THPT Xuân Phương	38,76%	30	
113	THPT Yên Hoà	32,80%	27	
114	THPT Yên Lãng	21,49%	6	
115	THPT Yên Viên	33,00%	16	
116	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	30,00%	3	
117	PTCS Xã Đàn	20,00%	1	
118	TH Bình Minh	15,00%	1	
B	Sở Y tế		691	
I	Khối bệnh viện		42	
1	BV Tâm thần Hà Nội	19,19%	29	
2	Bệnh viện Phục hồi chức năng	34,90%	13	
II	Khối Trung tâm chuyên khoa		71	
1	Trung tâm Cấp cứu 115	52,62%	12	
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	83,74%	41	
3	Trung tâm Giám định y khoa	43,37%	6	
4	Trung tâm Pháp y	44,65%	4	
5	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	40,97%	8	
III	Khối Trung tâm y tế		578	
1	TTYT Q. Hoàn Kiếm	13,93%	21	
2	TTYT Q. Ba Đình	13,05%	18	
3	TTYT Q. Đống Đa	22,73%	29	
4	TTYT Q. Hai Bà Trưng	14,64%	26	
5	TTYT Q. Thanh Xuân	16,17%	11	
6	TTYT Q. Cầu Giấy	38,67%	17	
7	TTYT Q. Tây Hồ	13,23%	15	
8	TTYT Q. Hoàng Mai	19,05%	20	
9	TTYT Q. Long Biên	29,13%	42	
10	TTYT Q. Nam Từ Liêm	40,52%	1	
11	TTYT Q. Bắc Từ Liêm	25,61%	18	
12	TTYT Q. Hà Đông	12,14%	16	
13	TTYT H. Gia Lâm	26,22%	38	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
14	TTYT H. Đông Anh	59,20%	32	
15	TTYT H. Thanh Trì	12,59%	15	
16	TTYT H. Sóc Sơn	72,87%	39	
17	TTYT H. Ba Vì	29,33%	20	
18	TTYT H. Phúc Thọ	20,84%	14	
19	TTYT H. Thạch Thất	29,18%	14	
20	TTYT H. Quốc Oai	35,32%	15	
21	TTYT H. Đan Phượng	20,21%	19	
22	TTYT H. Hoài Đức	17,69%	4	
23	TTYT H. Chương Mỹ	35,30%	19	
24	TTYT H. Thanh Oai	17,72%	5	
25	TTYT H. Mỹ Đức	17,51%	21	
26	TTYT H. Thường Tín	10,11%	17	
27	TTYT H. Phú Xuyên	40,01%	19	
28	TTYT Thị xã Sơn Tây	17,04%	20	
29	TTYT H. Ứng Hoà	19,45%	16	
30	TTYT H. Mê Linh	19,12%	17	
C	Khối quận, huyện, thị xã		2 632	
I	Khối THCS		1 724	
II	Khối Tiểu học		168	
III	Khối Mầm non		740	
1	UBND Quận Hai Bà Trưng		49	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>49</i>	
1	THCS Ngô Gia Tự	19,00%	1	
2	THCS Văn Hồ	15,00%	7	
3	THCS Minh Khai	14,00%	2	
4	THCS Vĩnh Tuy	20,00%	7	
5	THCS Lương Yên	20,00%	3	
6	THCS Quỳnh Mai	20,00%	2	
7	THCS Đoàn Kết	15,00%	3	
8	THCS Nguyễn Phong Sắc	15,00%	5	
9	THCS Lê Ngọc Hân	15,00%	10	
10	THCS Tô Hoàng	15,00%	5	
11	THCS Hà Huy Tập	15,00%	4	
2	UBND Quận Ba Đình		20	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>20</i>	
1	THCS Ba Đình	17,30%	3	
2	THCS Giảng Võ	18,00%	5	
3	THCS Thăng Long	17,90%	3	
4	THCS Nguyễn Công Trứ	18,00%	2	
5	THCS Nguyễn Tri Phương	18,00%	3	
6	THCS Phan Chu Trinh	18,00%	2	
7	THCS Thành Công	18,00%	2	
3	UBND Quận Đống Đa		66	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>66</i>	
1	Bé Văn Đàn	12,97%	12	
2	Khương Thượng	13,05%	4	
3	Thái Thịnh	12,96%	6	
4	Cát Linh	12,95%	4	
5	Đống Đa	14,56%	17	
6	Huy Văn	11,47%	2	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
7	Nguyễn Trường Tộ	12,86%	9	
8	Phương Mai	12,90%	4	
9	Láng Hạ	10,03%	3	
10	Tô Vĩnh Diện	10,08%	2	
11	Lý Thường Kiệt	12,67%	2	
12	Tam Khương	10,82%	1	
4	UBND Quận Tây Hồ		75	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>46</i>	
1	Chu Văn An	17,6%	10	
2	Xuân La	24%	18	
3	Phú Thượng	17%	3	
4	Nhật Tân	10%	10	
5	Tứ Liên	30%	3	
6	An Dương	20%	2	
<i>II</i>	<i>Khối Tiểu học</i>		<i>17</i>	
1	Chu Văn An	40%	2	
2	Đông Thái	40%	1	
3	Xuân La	37%	6	
4	Phú Thượng	30%	2	
5	Nhật Tân	40%	1	
6	Tứ Liên	37%	5	
<i>III</i>	<i>Khối Mầm non</i>		<i>12</i>	
1	MN Xuân La	15,5%	6	
2	MN Nhật Tân	17,10%	3	
3	MN Đoàn Thị Điểm	21,00%	3	
5	UBND Quận Thanh Xuân		311	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>162</i>	
1	THCS Việt Nam - Angiêri	14,80%	13	
2	THCS Nguyễn Trãi	14,80%	11	
3	THCS Phan Đình Giót	17,50%	8	
4	THCS Thanh Xuân	85,80%	11	
5	THCS Khương Đình	14,80%	17	
6	THCS Kim Giang	14,90%	23	
7	THCS Thanh Xuân Nam	14,70%	4	
8	THCS Nhân Chính	14,70%	8	
9	THCS Khương Mai	17,00%	15	
10	THCS Phương Liệt	14,90%	13	
11	THCS Hạ Đình	13,70%	3	
12	THCS Nguyễn Lân	14,70%	12	
13	THCS Thanh Xuân Trung	14,60%	24	
<i>II</i>	<i>Khối Mầm non</i>	<i>319,80%</i>	<i>149</i>	
1	MN Thanh Xuân Bắc	15,20%	8	
2	MN Tuổi Thần Tiên	18,10%	4	
3	MN Tuổi Thơ	13,70%	1	
4	Mầm non Sơn Ca	17,80%	11	
5	Mầm non Tuổi Hoa	17,30%	3	
6	Mầm non Tráng An	15,70%	5	
7	Mầm non Ánh Sao	15,50%	3	
8	MN Hoa Hồng	18,10%	4	
9	MN Hòa Mỹ	14,40%	2	
10	MN Thanh Xuân Nam	16,80%	10	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
11	MN Thanh Xuân Trung	18,20%	4	
12	MN Thăng Long	16,40%	7	
13	MN Sao Sáng	18,50%	18	
14	MN Khương Trung	16,60%	13	
15	MN Khương Đình	17,20%	4	
16	MN Nhân Chính	17,10%	6	
17	MN Phương Liệt	15,90%	4	
18	MN Ánh Dương	18,40%	23	
19	MN Bình Minh	18,90%	19	
6	UBND Quận Cầu Giấy		186	
I	<i>Khối THCS</i>		<i>186</i>	
1	THCS Dịch Vọng	16,84%	13	
2	THCS Dịch Vọng Hậu	17,12%	13	
3	THCS Lê Quý Đôn	16,81%	11	
4	THCS Mai Dịch	17,33%	30	
5	THCS Nam Trung Yên	16,70%	10	
6	THCS Nghĩa Tân	17,02%	18	
7	THCS Trần Duy Hưng	12,61%	31	
8	THCS Trương Công Giai	12,61%	28	
9	THCS Trung Hòa	16,03%	4	
10	THCS Yên Hòa	17,35%	28	
7	UBND Quận Hoàng Mai		376	
I	<i>Khối THCS</i>		<i>212</i>	
1	THCS Tân Định	14,01%	19	
2	THCS Tân Mai	13,83%	15	
3	THCS Hoàng Liệt	13,89%	37	
4	THCS Lĩnh Nam	13,93%	16	
5	THCS Mai Động	13,70%	12	
6	THCS Vĩnh Hưng	13,99%	24	
7	THCS Đại Kim	13,79%	34	
8	THCS Giáp Bát	13,86%	1	
9	THCS Yên Sở	13,89%	9	
10	THCS Thanh Trì	13,80%	11	
11	THCS Trần Phú	13,48%	2	
12	THCS Hoàng Văn Thụ	13,74%	2	
13	THCS Thịnh Liệt	13,89%	14	
14	THCS Định Công	13,61%	7	
15	THCS Đền Lừ	13,97%	5	
16	THCS Hoàng Mai	10,00%	4	
II	<i>Khối Tiểu học</i>		<i>108</i>	
1	Tiểu học Định Công	11,00%	11	
2	Tiểu học Hoàng Liệt	10,00%	17	
3	Tiểu học Hoàng Mai	10,00%	2	
4	Tiểu học Lĩnh Đàm	13,00%	29	
5	Tiểu học Lĩnh Nam	10,00%	15	
6	Tiểu học Vĩnh Hưng	10,00%	23	
7	Tiểu học Yên Sở	10,00%	11	
III	<i>Khối Mầm non</i>		<i>56</i>	
1	Mầm non 10-10	19,00%	1	
2	Mầm non Bình Minh	19,00%	1	
3	Mầm non Đại Kim	24,00%	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
4	Mầm non Định Công	23,00%	6	
5	Mầm non Giáp Bát	18,00%		
6	Mầm non Hoa Hồng	10,00%	2	
7	Mầm non Hoa Mai	29,00%		
8	Mầm non Hoa Sữa	19,00%	3	
9	Mầm non Hoàng Liệt	32,00%	5	
10	Mầm non Hoàng Văn Thụ	10,00%	1	
11	Mầm non Lĩnh Nam	25,00%	7	
12	Mầm non Mai Động	17,00%	6	
13	Mầm non Sơn ca	25,00%	6	
14	Mầm non Tân Mai	11,00%		
15	Mầm non Thanh Trì	19,00%	2	
16	Mầm non Thịnh Liệt	34,00%	3	
17	Mầm non Trần Phú	11,00%	1	
18	Mầm non Tuổi Thơ	20,00%	1	
19	Mầm non Tương Mai	23,00%		
20	Mầm non Vĩnh Hưng	20,00%	1	
21	Mầm non Yên Sở	15,00%	5	
8	UBND Quận Long Biên		467	
I	<i>Khối THCS</i>		<i>194</i>	
1	Ái Mộ	20,00%	12	
2	Bồ Đề	20,00%	15	
3	Chu Văn An	20,00%	15	
4	Cự Khối	20,00%	8	
5	Đô thị Việt Hưng	20,00%	9	
6	Đức Giang	18,30%	3	
7	Gia Thụy	20,00%	9	
8	Giang Biên	20,00%	5	
9	Lê Quý Đôn	20,00%	3	
10	Long Biên	20,00%	5	
11	Lý Thường Kiệt	20,00%	9	
12	Ngô Gia Tự	19,00%	4	
13	Ngọc Lâm	20,00%	3	
14	Ngọc Thụy	20,00%	14	
15	Nguyễn Bình Khiêm	20,00%	1	
16	Phúc Đồng	20,00%	8	
17	Phúc Lợi	20,00%	8	
18	Sài Đồng	20,00%	18	
19	Thạch Bàn	20,00%	14	
20	Thanh Am	20,00%	15	
21	Thượng Thanh	20,00%	10	
22	Việt Hưng	20,00%	6	
II	<i>Khối Mầm non</i>		<i>273</i>	
1	Ánh Sao	18,45%	10	
2	Bắc Biên	17,53%	5	
3	Bắc Cầu	16,63%	4	
4	Bồ Đề	20,62%	5	
5	Chim Én	21,00%	19	
6	Đức Giang	12,64%	4	
7	Gia Quất	20,05%	7	
8	Gia Thụy	21,11%	14	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
9	Gia Thụy	18,98%	12	
10	Giang Biên	19,89%	5	
11	Hoa Anh Đào	21,60%	11	
12	Hoa Hướng Dương	14,82%	4	
13	Hoa Mai	20,14%	12	
14	Hoa Phượng	18,26%	4	
15	Hoa Sen	16,35%	9	
16	Hoa Sữa	16,20%	10	
17	Hoa Thủy Tiên	19,85%	4	
18	Hồng Tiến	20,80%	18	
19	Long Biên	15,35%	7	
20	Long Biên A	18,85%	4	
21	Ngọc Thụy	20,96%	5	
22	Phúc Đồng	17,68%	10	
23	Phúc Lợi	17,81%	9	
24	Sơn Ca	21,45%	7	
25	Tân Mai	15,51%	7	
26	Thạch Bàn	20,77%	29	
27	Thạch Cầu	14,87%	8	
28	Thượng Thanh	18,22%	8	
29	Tràng An	17,16%	8	
30	Tuổi Hoa	17,98%	9	
31	Việt Hưng	16,13%	5	
9	UBND quận Nam Từ Liêm		221	
I	<i>Khối THCS</i>		<i>142</i>	
1	THCS Mễ Trì	17,00%	13	
2	THCS Tây Mỗ	18,00%	19	
3	THCS Mỹ Đình 1	17,00%	16	
4	THCS Mỹ Đình 2	17,00%	4	
5	THCS Phú Đô	17,00%	10	
6	THCS Trung Văn	17,00%	5	
7	THCS Đại Mỗ	18,00%	6	
8	THCS Phương Canh	17,00%	8	
9	THCS Lý Nam Đế	17,00%	7	
10	THCS Nguyễn Quý Đức	18,00%	13	
11	THCS Xuân Phương	18,00%	12	
12	THCS Cầu Diễn	18,00%	29	
II	<i>Khối Mầm non</i>		<i>79</i>	
1	MN Mỹ Đình 1	21,00%	2	
2	MN Trung Văn	22,00%	6	
3	MN Phùng Khoang	21,00%	9	
4	MN Đại Mỗ A	20,00%	1	
5	MN Đại Mỗ B	21,00%	3	
6	MN Tây Mỗ A	21,00%	11	
7	MN Tây Mỗ B	20,00%	6	
8	MN Xuân Phương	21,00%	4	
9	MN Mỹ Đình 2	21,00%	8	
10	MN Cầu Diễn	22,00%	24	
11	MN Phú Đô	20,00%	5	
10	UBND Quận Bắc Từ Liêm		73	
I	<i>Khối THCS</i>		<i>33</i>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
1	THCS Cổ Nhuế 2	48,00%	12	
2	THCS Minh Khai	49,00%	5	
3	THCS Xuân Đình	63,00%	5	
4	THCS Tây Tựu	58,00%	2	
5	THCS Đức Thắng	63,00%	9	
II	Khối Tiểu học		40	
1	TH Cổ Nhuế 2A	38,00%	13	
2	TH Đức Thắng	45,00%	7	
3	TH Liên Mạc	43,00%	4	
4	TH Minh Khai B	30,00%	8	
5	TH Thụy Phương	53,00%	8	
11	UBND Quận Hà Đông		345	
I	Khối THCS		204	
1	THCS Biên Giang	14,00%	9	
2	THCS Đồng Mai	14,00%	15	
3	THCS Dương Nội	14,00%	20	
4	THCS Kiến Hưng	14,00%	9	
5	THCS Lê Hồng Phong	14,00%	8	
6	THCS Lê Lợi	14,00%	3	
7	THCS Lê Quý Đôn	14,00%	12	
8	THCS Mậu Lương	14,00%	15	
9	THCS Mỹ Lao	14,00%	8	
10	THCS Nguyễn Trãi	14,00%	6	
11	THCS Phú Cường	14,00%	6	
12	THCS Phú La	14,00%	16	
13	THCS Phú Lãm	14,00%	7	
14	THCS Phú Lương	14,00%	3	
15	THCS Trần Đăng Ninh	14,00%	10	
16	THCS Văn Khê	14,00%	17	
17	THCS Vạn Phúc	12,00%	1	
18	THCS Văn Quán	14,00%	6	
19	THCS Văn Yên	14,00%	15	
20	THCS Yên Nghĩa	14,00%	18	
II	Khối Mầm non		141	
1	MN 3/2	14,00%	2	
2	Ánh Dương	14,00%	3	
3	Bình Minh	14,00%	5	
4	Búp Sen Hồng	14,00%	4	
5	Đồng Dương	14,00%	1	
6	Dương Nội	14,00%	3	
7	Hà Cầu	14,00%	3	
8	Hà Trì	14,00%	2	
9	Hàng Đào	14,00%	4	
10	Hòa Bình	14,00%	1	
11	Hoa Hồng	14,00%	2	
12	Hoa Mai	14,00%	3	
13	Hoà My	14,00%	1	
14	Hoa Sen	14,00%	2	
15	Hoàng Hanh	14,00%	5	
16	Hương Sen	14,00%	5	
17	Huyền Kỳ	14,00%	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
18	Kiến Hưng	14,00%	6	
19	La Dương	14,00%	2	
20	La Khê	14,00%	4	
21	Lê Quý Đôn	14,00%	2	
22	Lê Trọng Tấn	14,00%	7	
23	Mậu Lương	14,00%	8	
24	Mỗ Lao	14,00%	2	
25	Ngô Thị Nhậm	14,00%	5	
26	Nguyễn Trãi	14,00%	3	
27	Phú La	14,00%	6	
28	Phú Lâm	14,00%	2	
29	Phú Lương	14,00%	1	
30	Phú Lương I	14,00%	3	
31	Phú Lương II	14,00%	6	
32	Quang Trung	14,00%	1	
33	Sen Hồng	15,00%	8	
34	Sơn Ca	14,00%	4	
35	Trần Quốc Toàn	14,00%	4	
36	Vạn Bảo	14,00%	5	
37	Vạn Phúc	14,00%	1	
38	Yên Hòa	14,00%	2	
39	Yên Nghĩa	14,00%	1	
40	Yên Nghĩa I	14,00%	6	
41	Yết Kiêu	14,00%	3	
12	UBND huyện Thanh Trì		98	
I	<i>Khối THCS</i>		98	
1	Trường THCS Thanh Liệt	14,30%	12	
2	Trường THCS Ngũ Hiệp	10,60%	4	
3	Trường THCS Tân Triều	13,20%	3	
4	Trường THCS Đông Mỹ	14,90%	3	
5	Trường THCS Liên Ninh	14,00%	4	
6	Trường THCS Đại Áng	11,90%	3	
7	Trường THCS Hữu Hòa	16,50%	5	
8	Trường THCS Tả Thanh Oai	12,80%	12	
9	Trường THCS Tứ Hiệp	12,00%	10	
10	Trường THCS Chu Văn An	12,20%	10	
11	Trường THCS Ngọc Hồi	12,00%	9	
12	Trường THCS Vạn Phúc	12,70%	5	
13	Trường THCS Thị trấn Văn Điển	18,90%	9	
14	Trường THCS Vĩnh Quỳnh	11,70%	9	
13	UBND huyện Gia Lâm		22	
I	<i>Khối THCS</i>		19	
1	THCS Cao Bá Quát	28,00%	3	
2	THCS Dương Xá	26,32%	5	
3	THCS Đình Xuyên	26,38%	1	
4	THCS Đông Dư	27,18%	1	
5	THCS Kim Sơn	29,94%	5	
6	THCS Phú Đồng	31,96%	4	
II	<i>Khối Tiểu học</i>		3	
1	TH Ninh Hiệp	32,17%	1	
2	TH Trung Mậu	18,02%	2	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
14	UBND Huyện Đông Anh		75	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>73</i>	
1	Cổ Loa	10,36%	2	
2	Thụy Lâm	13,66%	4	
3	Việt Hùng	10,32%	7	
4	Nguyễn Khê	10,00%	7	
5	Dục Tú	10,31%	5	
6	Thị Trấn	18,00%	14	
7	Bắc Hồng	10,18%	7	
8	Mai Lâm	10,19%	7	
9	Nam Hồng	10,19%	7	
10	Nguyễn Huy Tường	14,00%	4	
11	Võng La	10,17%	6	
12	Xuân Nộn	10,19%	3	
<i>II</i>	<i>Khối Mầm non</i>		<i>2</i>	
1	MN Sao Mai	10,42%	2	
15	UBND huyện Sóc Sơn		21	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>19</i>	
1	THCS Bắc Sơn	10,00%	5	
2	THCS Trung Giã	10,00%	4	
3	THCS Thị trấn	16,00%	3	
4	THCS Mai Đình	10,00%	7	
<i>II</i>	<i>Khối Mầm non</i>		<i>2</i>	
1	MN Liên Cơ	11,00%	2	
16	UBND thị xã Sơn Tây		8	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>8</i>	
1	THCS Phùng Hưng	15,00%	2	
2	THCS Sơn Tây	16,00%	3	
3	THCS Trung Sơn Trầm	14,00%	1	
4	THCS Xuân Khanh	13,00%	2	
17	UBND Huyện Hoài Đức		101	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		<i>87</i>	
1	THCS An Khánh	33,00%	11	
2	THCS An Thượng	22,00%	6	
3	THCS Cát quế A	24,00%	3	
4	THCS Cát quế B	27,00%	1	
5	THCS Di Trạch	28,00%	4	
6	THCS Đông La	37,00%	7	
7	THCS Đức Giang	19,00%	1	
8	THCS Đức Thượng	16,00%	8	
9	THCS Dương Liễu	28,00%	4	
10	THCS Kim Chung	18,00%	3	
11	THCS La Phù	23,00%	2	
12	THCS Lại Yên	28,00%	3	
13	THCS Minh Khai	21,00%	3	
14	THCS Nguyễn Văn Huyền	31,00%	4	
15	THCS Sơn Đồng	29,00%	2	
16	THCS Song Phương	24,00%	3	
17	THCS Thị trấn	34,00%	5	
18	THCS Tiền Yên	23,00%	1	
19	THCS Vân Canh	28,00%	3	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
20	THCS Vân Côn	29,00%	7	
21	THCS Yên Sở	23,00%	6	
<i>II</i>	<i>Khối Mầm non</i>		14	
1	MN An Khánh A	18,00%	4	
2	MN An Thượng B	22,00%	1	
3	MN Lại Yên	17,00%	1	
4	MN Minh Khai	15,00%	1	
5	MN Tiền Yên B	12,00%	1	
6	MN Vân Canh	21,00%	6	
18	UBND Huyện Chương Mỹ		83	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		74	
1	THCS Bê Tông	12,20%	7	
2	THCS Đông Sơn	12,80%	4	
3	THCS Hoàng Diệu	19,40%	5	
4	THCS Hữu Văn	12,20%	5	
5	THCS Lam Điền	10,30%	2	
6	THCS Lương Mỹ	10,40%	3	
7	THCS Mỹ Lương	10,80%	1	
8	THCS Nam Phương Tiến B	10,10%	1	
9	THCS Ngô Sỹ Liên	28,40%	2	
10	THCS Phú Nghĩa	11,90%	6	
11	THCS Quảng Bị	10,40%	2	
12	THCS Tân Tiến	11,80%	4	
13	THCS Thụy Hương	12,30%	3	
14	THCS Tiên Phương	10,30%	4	
15	THCS Tốt Động	13,10%	6	
16	THCS Trường Yên	11,90%	2	
17	THCS TTT Chúc Sơn	16,00%	6	
18	THCS TT Xuân Mai A	22,70%	9	
19	THCS TT Xuân Mai B	21,30%	2	
<i>II</i>	<i>Khối mầm non</i>		9	
1	Mầm non Đông Sơn	11,50%	1	
2	Mầm non Hoàng Văn Thụ	12,50%	1	
3	Mầm non Ngọc Hoà	11,20%	1	
4	Mầm non Phụng Châu	10,60%	1	
5	Mầm non Quảng Bị	13,40%	1	
6	Mầm non Thụy Hương	10,60%	2	
7	Mầm non Tốt Động	12,60%	2	
19	UBND Huyện Thanh Oai		7	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		7	
1	THCS Cao Viên	11,00%	7	
20	UBND Huyện Thường Tín		4	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		4	
1	THCS Nguyễn Trãi A	12,81%	4	
21	UBND Huyện Phú Xuyên		24	
<i>I</i>	<i>Khối THCS</i>		21	
1	THCS Hồng Minh	21,27%	1	
2	THCS Hoàng Long	19,08%	2	
3	THCS Tân Dân	17,59%	2	
4	THCS Phúc Tiến	20,36%	2	
5	THCS Nam Triều	23,64%	2	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ tự chủ	Chỉ tiêu ký hợp đồng lao động từ nguồn thu sự nghiệp	Ghi chú
6	THCS Nam Tiến	24,59%	2	
7	THCS Phú Yên	21,53%	2	
8	THCS Châu Can	24,00%	2	
9	THCS Đại Xuyên	25,45%	2	
10	THCS Bạch Hạ	20,30%	2	
11	THCS Khai Thái	22,56%	4	
II	Khối Mầm non		3	
1	MN Hồng Minh	11,41%	2	
2	MN Phú Túc	11,42%	1	